

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT PHẢN HỒI THÔNG TIN VỀ
MÔN HỌC VÀ GIẢNG VIÊN CỦA HỌC KỲ III NĂM HỌC 2019 - 2020

Kính gửi:

- Ban Giám Hiệu;
- Lãnh đạo các Khoa.

Trung tâm ĐTTX tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên tham gia học tập trong năm học 2019-2020 nhằm đánh giá kết quả hoạt động giảng dạy và học tập tại các cơ sở học tập cũng như đơn vị liên kết của nhà Trường, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và Trung tâm Đào tạo Từ xa nói riêng.

Trung tâm Đào tạo Từ xa báo cáo Ban Giám Hiệu và Lãnh đạo các Khoa kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên về giảng viên và môn học của Học kỳ III (HK193) năm học 2019 - 2020 như sau:

1. THÔNG TIN KHẢO SÁT

1.1. ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

Sinh viên tham gia học tập trong học kỳ III (HK193) năm học 2019 – 2020 tại các cơ sở cũng như đơn vị liên kết của nhà trường:

- Các cơ sở của Trường Đại học Mở tại TP.HCM: Cơ sở 97 Võ Văn Tần, cơ sở 02 Mai Thị Lựu, cơ sở 371 Nguyễn Kiệm (thực hiện khảo sát online nhưng SV không cung cấp thông tin khảo sát).

- Các đơn vị liên kết của Trường Đại học Mở tại các quận/ huyện của TP.HCM cùng các đơn vị liên kết của Trường Đại học Mở tại các tỉnh/thành phố khác:

STT	Địa điểm học	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	Tỉ lệ %
1	BCH Quân sự Quận 4	222	89	40.1%
2	BCH Quân sự Quận Bình Tân	245	186	75.9%
3	Cơ Sở 3 - Bình Dương	118	106	89.8%
4	Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	274	202	73.7%
5	Học viên Chính Trị KV2	204	208	102.0%
6	Trường CĐ Kiên Giang - Phú Quốc	376	296	78.7%

7	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đồng Tháp Mười	364	246	67.6%
8	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đức Hòa	404	372	92.1%
9	Trường CĐ Việt - Mỹ	233	261	112.0%
10	Trường CĐCD Bình Thuận	1,069	1,015	94.9%
11	Trường CĐCD Đồng Tháp	196	116	59.2%
12	Trường Chính trị Lâm Đồng	170	127	74.7%
13	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	515	389	75.5%
14	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	104	82	78.8%
15	Trường TC DL và KS SÀI GÒN	650	552	84.9%
16	Trường TC KTKT Công Đoàn Bà Rịa-Vũng Tàu	75	50	66.7%
17	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	550	285	51.8%
18	Trường TC Tây Nguyên	225	311	138.2%
19	Trường TCN Củ Chi	324	314	96.9%
20	TT BD-CT Quận Tân Bình	231	222	96.1%
21	TT GDNN - GDTX Huyện Nhà Bè	148	148	100.0%
22	TT GDNN - GDTX Mang Giang-Gia Lai	180	161	89.4%
23	TT GDNN - GDTX Q.Thốt Nốt	185	173	93.5%
24	TT GDNN-GDTX Châu Thành-Hậu Giang	116	125	107.8%
25	TT GDNN-GDTX Chư Păh - Gia Lai	250	229	91.6%
26	TT GDNN-GDTX H.Thống Nhất	423	305	72.1%
27	TT GDNN-GDTX Quận 6	75	74	98.7%
28	TT GDTX - Hướng Nghiệp Ninh Thuận	152	132	86.8%
29	TT GDTX An Giang	108	108	100.0%
30	TT GDTX Bến Tre	646	375	58.0%
31	TT GDTX Bình Phước	189	238	125.9%
32	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	200	121	60.5%
33	TT GDTX Gia Định - Hớn Quản	78	72	92.3%
34	TT GDTX Gia Lai	665	751	112.9%
35	TT GDTX H.Chư Păh - Gia Lai	225	199	88.4%
36	TT GDTX H.Đăk Pơ - Gia Lai	188	112	59.6%
37	TT GDTX Khánh Hòa	790	780	98.7%
38	TT GDTX Phú Yên	30	25	83.3%
39	TT GDTX T.Bà Rịa -Vũng Tàu	90	47	52.2%
40	TT GDTX Tây Ninh	445	279	62.7%
41	TT GDTX Thanh Niên Xung Phong	199	195	98.0%
TỔNG		11,931	10,078	84.5%
Tỉ lệ TB sinh viên tham gia đánh giá/tổng số sinh viên đăng ký môn học				84.5%

* Ghi chú: Số sinh viên (SV) đăng ký và số sv thực tham gia khảo sát có lệch là do có trường hợp SV đăng ký trễ hoặc sv đăng ký nhưng không tham gia học.

1.2. QUY TRÌNH KHẢO SÁT

- Trung tâm ĐTTX soạn thảo bảng câu hỏi gồm 20 câu hỏi.
- Đặt in phiếu khảo sát rồi gửi Phiếu khảo sát phản hồi thông tin về môn học và giảng

viên học kỳ III (HK193) của năm học 2019-2020 cho Bộ phận Cộng tác viên tại các Đơn vị liên kết và gửi khảo sát online (Quản lý vùng gửi qua email cho các lớp tại các cơ sở của Trường Đại học Mở tại TP.HCM)

- Cộng tác viên tại các ĐVLK phát phiếu khảo sát trực tiếp cho sinh viên đánh giá sau mỗi môn học và trước khi sinh viên thi học kỳ.
- Trung tâm ĐTTX thu lại phiếu khảo sát từ cộng tác viên tại các ĐVLK.
- Trung tâm ĐTTX kiểm tra, lọc bỏ các phiếu khảo sát không hợp lệ.
- Trung tâm ĐTTX tiến hành công tác mã hóa và nhập dữ liệu vào file excel.
- Trung tâm ĐTTX ráp danh sách môn học mà sinh viên đánh giá và giảng viên vào dữ liệu (kết hợp với file kế hoạch đào tạo & mời giảng của Trung tâm), sau đó tiến hành xử lý dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo.

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT:

- Số lượng sinh viên đăng ký môn học: 32.736 lượt sinh viên (dựa theo KH đào tạo đưa vào đầu học kỳ III)
- Số lượng phiếu phát ra: 21.943 phiếu
- Số lượng phiếu thu hồi: 10.936 phiếu (loại 858 phiếu do thiếu thông tin)
- Số lượng phiếu thu về hợp lệ được xử lý để viết báo cáo: 10.078 phiếu

2.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG TOÀN TRƯỜNG

$1,00 < \text{Trung bình} \leq 1,80$: Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Kém”.

$1,80 < \text{Trung bình} \leq 2,60$: Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Yếu”.

$2,60 < \text{Trung bình} \leq 3,40$: Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Trung bình”.

$3,40 < \text{Trung bình} \leq 4,20$: Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Tốt”.

$4,20 < \text{Trung bình} \leq 5,00$: Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Rất tốt”.

Mẫu được chọn từ những phiếu khảo sát sinh viên có trả lời một hoặc nhiều hơn một câu hỏi trong số 20 câu hỏi có 10.078 phản hồi.

Tất cả nội dung phản hồi đều được sinh viên đánh giá “Rất tốt”. Điều này cho thấy hiện nhà trường đang có đội ngũ giảng viên đảm bảo các tiêu chuẩn về tác phong nhà giáo cũng như có chất lượng trong nội dung giảng dạy, thời lượng giảng dạy, cách thức truyền đạt bài giảng,... cũng như đáp ứng đầy đủ yêu cầu của sinh viên về sự quan tâm của giảng viên, sự hướng dẫn ngoài giờ, sự sẵn lòng trả lời câu hỏi thắc mắc, tính công bằng trong học tập,... hiện nay. Bên cạnh đó, các đánh giá về học liệu cũng được sinh viên phản hồi tích cực

như cung cấp đầy đủ, kịp thời và phù hợp với nội dung học tập của sinh viên. Đa số sinh viên đều đưa ra nhận định rằng môn học phù hợp với ngành học của mình.

	Nội dung phản hồi	Trung bình	Xếp loại
C1	Giảng viên (GV) giới thiệu chi tiết đề cương môn học	4.36	Rất tốt
C2	Nội dung giảng dạy phù hợp với mục tiêu và đề cương môn học	4.38	Rất tốt
C3	Nội dung môn học được cập nhật, phù hợp với nhu cầu công việc	4.36	Rất tốt
C4	Thời lượng giảng dạy mỗi môn là phù hợp	4.36	Rất tốt
C5	GV trình bày bài giảng rõ ràng và dễ hiểu	4.38	Rất tốt
C6	GV giảng dạy thu hút và hấp dẫn	4.37	Rất tốt
C7	GV quan tâm đến việc tiếp thu bài giảng của sinh viên	4.38	Rất tốt
C8	GV có cho bài tập để chấm điểm tham gia hoạt động trong lớp.	4.39	Rất tốt
C9	GV quản lý tốt sinh viên và tạo môi trường học tập tích cực trong buổi học	4.38	Rất tốt
C10	GV sẵn lòng trả lời các câu hỏi thắc mắc của SV về nội dung học tập	4.40	Rất tốt
C11	GV khuyến khích SV đặt câu hỏi và làm việc nhóm, thúc đẩy sinh viên tự học, tự nghiên cứu	4.39	Rất tốt
C12	GV công bằng trong đánh giá quá trình kết quả học tập	4.39	Rất tốt
C13	GV đảm bảo giờ lên lớp	4.40	Rất tốt
C14	GV sẵn lòng hỗ trợ sinh viên học tập ngoài giờ lên lớp	4.39	Rất tốt
C15	GV có tác phong sư phạm đúng mực	4.42	Rất tốt
C16	Tài liệu học tập cung cấp đầy đủ	4.41	Rất tốt
C17	Tài liệu học tập cung cấp kịp thời	4.40	Rất tốt
C18	GV giảng dạy theo đúng tài liệu nhà trường cung cấp	4.41	Rất tốt
C19	GV giảng dạy theo đúng thời khóa biểu	4.43	Rất tốt
C20	Theo Anh/Chị, môn học này phù hợp với ngành học	4.43	Rất tốt
	Số quan sát	10.078	

2.2 ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC THEO TỪNG GIẢNG VIÊN HỌC KỲ III (HK193) NĂM 2019 -2020

Tổng số môn học của HK193 là 205 môn (không kể đồ án tốt nghiệp, đồ án môn học, thực tập tốt nghiệp), trong đó có 156 môn tổ chức tại 41 ĐVLK và 137 môn tổ chức học tại các cơ sở của Nhà Trường. Tổng số môn học được sinh viên chọn đánh giá của Học kỳ III năm học 2019-2020 là 140/156 môn tổ chức giảng dạy trong HK193 tại các ĐVLK (tỷ lệ đạt 89,7%). Nếu không tính các môn tổ chức tại các cơ sở của Trường (các môn khảo sát online), tỷ lệ tham gia khảo sát đạt 84,5%/tổng số sinh viên đăng ký môn học (không tính học trả và thi trả nợ) trong HK193. Nhìn chung, sinh viên đánh giá môn học và giảng viên tham gia giảng dạy đạt từ mức tốt đến rất tốt, chỉ có 2 môn sinh viên đánh giá mức trung bình (Môn Luật hành chính – Diệp Thanh Sơn – TT GDTX Bến Tre) với tỉ lệ sinh viên tham gia đánh giá/tổng số sinh viên đăng ký là 44% (15/34) (**bảng 3 phụ**

lục đính kèm) và (Những NLCB của CN-Mác Lênin P2 – Trần Hoàng Hà – Cơ sở 5- Ninh Hòa) với 5/27 SV đánh giá.

Bên cạnh đó, ở mục ý kiến khác của sinh viên có rất nhiều giảng viên được sinh viên đánh giá tốt về thái độ giảng dạy, trình độ chuyên môn và hy vọng được học lại ở những kỳ tiếp theo. Tuy nhiên, 1 vài ý kiến của số ít sinh viên có liên quan đến việc đề xuất giảm học phí (5 ý kiến), giảm lượng bài tập về nhà (7 ý kiến) và hạn chế học chiều chủ nhật. Ngoài ra, sinh viên còn đề nghị giảng viên cung cấp đầy đủ đề cương ôn thi và câu hỏi ôn tập (5 ý kiến), cập nhật đầy đủ và nhanh chóng điểm quá trình (5 ý kiến).

Môn Kinh tế vĩ mô (Bùi Anh Sơn – TT GDTX Khánh Hòa) được sinh viên đánh giá GV có tác phong, thái độ không phù hợp. Môn Văn hóa Doanh nghiệp (Nguyễn Quang Vinh – TT GDTX An Giang) có 4 sinh viên đánh giá GV dạy khó hiểu, khó tiếp thu, còn “mắc” học viên vô văn hóa, tư tưởng lạc hậu (4 ý kiến). Môn Sức khỏe tâm thần (TT GDTX Khánh Hòa) có SV đánh giá tài liệu cũ, không phù hợp với thực tế (2 ý kiến). **(Bảng 4 phụ lục đính kèm)**

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. KẾT LUẬN

Qua bảng thống kê số lượng nhóm lớp theo kết luận giá trị trung bình từ đánh giá phản hồi của sinh viên qua Học kỳ III năm học 2019-2020 cho thấy sinh viên đánh giá hoạt động giảng dạy và hệ thống hỗ trợ học tập của nhà trường nói chung và Trung tâm Đào tạo Từ xa nói riêng là tốt. Tỷ lệ sinh viên đánh giá “Rất tốt” chiếm tỷ lệ cao nhất. Chỉ có 2 môn sinh viên đánh giá ở mức “Trung bình” (chiếm tỉ lệ rất nhỏ), nhưng có môn sinh viên tham gia đánh giá chưa đủ lớn nên chưa mang tính đại diện (chưa đạt 50% số SV đăng ký học).

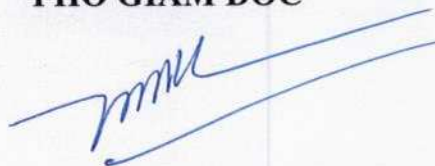
3.2. KHUYẾN NGHỊ

Thông tin khảo sát mang tính tham khảo cho Ban lãnh đạo Trung tâm Đào tạo Từ xa và Quý Giảng viên trong công tác mời giảng và giảng dạy.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Kim Phước

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ THU THẬP Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ GIẢNG VIÊN & MÔN HỌC

HỌC KỲ 193 (HK III, NĂM HỌC 2019 – 2020)

Bảng 1: Các môn học được sinh viên đánh giá “Rất tốt”

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
1	An sinh nhi đồng và gia đình	TT GDIX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Nguyễn Thị Nhân	40	29	4,24	4,31	4,21	4,34	4,24	4,34	4,31	4,34	4,24	4,31	4,28	4,38	4,34	4,34	4,34	4,34	4,28	4,28	4,34	4,31	4,31	Rất tốt
2	Biện dịch 1	Trường CDCB Đông Tháp	VLVH	Nguyễn Ngọc Tuyền	23	13	4,62	4,54	4,54	4,62	4,62	4,46	4,54	4,62	4,54	4,54	4,54	4,54	4,62	4,46	4,62	4,62	4,46	4,46	4,62	4,62	4,57	Rất tốt
3	Cấp Thoát Nước CT Dân Dụng và CN	TT GDIX Bến Tre	VLVH	Bùi Anh Kiệt	24	17	4,41	4,41	4,41	4,35	4,41	4,35	4,35	4,35	4,35	4,35	4,35	4,35	4,35	4,35	4,41	4,41	4,41	4,41	4,41	4,41	4,38	Rất tốt
4	Cấp Thoát Nước CT Dân Dụng và CN	TT GDIX Khánh Hòa	ĐTTX	Lâm Ngọc Trà My	36	36	4,31	4,28	4,25	4,25	4,33	4,33	4,28	4,33	4,33	4,42	4,33	4,28	4,25	4,28	4,31	4,28	4,22	4,28	4,22	4,33	4,29	Rất tốt
5	Cơ Học Đất	TT GDIX Khánh Hòa	ĐTTX	Trần Thanh Danh	36	33	4,58	4,61	4,58	4,67	4,61	4,55	4,48	4,48	4,58	4,48	4,48	4,55	4,64	4,64	4,61	4,58	4,61	4,55	4,55	4,67	4,57	Rất tốt
6	Cơ học kết cấu	Trường CDCB Bình Thuận	ĐTTX	Lê Hoàng Tuấn	25	15	4,73	4,93	4,60	4,40	4,47	4,73	4,67	4,80	4,73	4,80	4,73	4,80	4,73	4,73	4,80	4,87	4,67	4,80	4,73	4,73	4,72	Rất tốt
7	Công Pháp Quốc Tế	TT GDIX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Đăng Nghĩa	35	35	4,69	4,69	4,69	4,69	4,71	4,71	4,71	4,71	4,71	4,69	4,69	4,71	4,69	4,69	4,69	4,69	4,69	4,71	4,71	4,71	4,70	Rất tốt
8	Công Pháp Quốc Tế	TT GDIX Thanh Niên Xung Phong	ĐTTX	Nguyễn Đăng Nghĩa	31	29	4,28	4,31	4,24	4,24	4,24	4,24	4,24	4,31	4,31	4,34	4,31	4,28	4,24	4,31	4,28	4,34	4,34	4,34	4,28	4,28	4,29	Rất tốt
9	Công Pháp Quốc Tế	TT GDIX Bình Phước	ĐTTX	Đào Nguyễn Phương Thảo	33	33	4,52	4,55	4,55	4,61	4,67	4,64	4,61	4,58	4,58	4,58	4,58	4,58	4,61	4,61	4,61	4,67	4,64	4,67	4,58	4,61	4,60	Rất tốt
10	Địa chất công trình	TT GDIX Bến Tre	VLVH	Tô Thanh Sang	24	8	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	Rất tốt
11	Đọc hiểu 1	TT GDNN-GDIX Quận 6	ĐTTX	Vũ Thị Thu Trinh	25	24	4,58	4,54	4,58	4,50	4,54	4,50	4,58	4,58	4,63	4,58	4,58	4,63	4,58	4,58	4,67	4,58	4,58	4,67	4,67	4,67	4,59	Rất tốt
12	Đọc hiểu 3	TT GDIX Tây Ninh	VLVH	Trần Thị Diệu Long	44	21	4,71	4,71	4,67	4,67	4,86	4,90	4,86	4,90	4,71	4,76	4,81	4,81	4,86	4,71	4,90	4,86	4,90	4,81	4,90	4,76	4,80	Rất tốt
13	Đường lối CM của Đảng CSVN	TT GDIX An Giang	VLVH	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	27	27	4,44	4,48	4,44	4,41	4,44	4,41	4,44	4,41	4,44	4,44	4,44	4,37	4,41	4,59	4,52	4,56	4,56	4,44	4,56	4,52	4,47	Rất tốt
14	Đường lối CM của Đảng CSVN	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Phan Thị Lê Hương	31	31	4,39	4,32	4,32	4,32	4,32	4,29	4,32	4,29	4,32	4,35	4,35	4,35	4,35	4,32	4,32	4,29	4,29	4,29	4,35	4,26	4,32	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
15	Đường lối CM của Đảng CSVN	Trường CĐ Kiên Giang - Phú Quốc	ĐTTX	Trần Duy Mỹ	42	29	4.62	4.59	4.62	4.62	4.72	4.66	4.62	4.66	4.66	4.69	4.69	4.66	4.66	4.76	4.76	4.62	4.55	4.69	4.66	4.69	4.66	Rất tốt
16	Giáo tiếp trong kinh doanh	TT GD TX An Giang	VLVH	Nguyễn Văn Long	27	27	4.33	4.26	4.33	4.41	4.44	4.41	4.41	4.33	4.30	4.37	4.33	4.33	4.30	4.37	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.41	4.36	Rất tốt
17	Hành vi khách hàng	TT GD TX Bến Tre	VLVH	Lê Thị Huệ Linh	38	8	4.50	4.63	4.63	4.75	4.75	4.63	4.63	4.50	4.63	4.63	4.75	4.50	4.63	4.63	4.38	4.50	4.50	4.63	4.75	4.75	4.61	Rất tốt
18	Kế toán chi phí	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Nguyễn Bảo Châu	20	21	4.24	4.33	4.29	4.33	4.33	4.33	4.29	4.29	4.33	4.24	4.38	4.29	4.33	4.29	4.33	4.38	4.33	4.29	4.33	4.33	4.31	Rất tốt
19	Kế Toán Quản Trị	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Phạm Minh Vương	20	18	4.33	4.33	4.33	4.28	4.44	4.28	4.50	4.33	4.28	4.39	4.50	4.50	4.50	4.39	4.39	4.44	4.44	4.44	4.44	4.39	4.40	Rất tốt
20	Kế toán tài chính 1	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Hồ Thị Bích Nhon	20	31	4.48	4.45	4.45	4.48	4.52	4.58	4.65	4.65	4.58	4.48	4.58	4.48	4.52	4.48	4.58	4.65	4.58	4.58	4.61	4.52	4.55	Rất tốt
21	Kinh doanh Quốc Tế	TT GD TX An Giang	VLVH	Trần Thị Thu Dung	27	27	4.41	4.48	4.52	4.44	4.44	4.48	4.44	4.44	4.52	4.52	4.44	4.41	4.44	4.48	4.48	4.48	4.56	4.56	4.52	4.52	4.48	Rất tốt
22	Kinh doanh Quốc Tế	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Nguyễn Thị Bích Phượng	43	15	4.53	4.67	4.60	4.60	4.60	4.47	4.60	4.60	4.53	4.53	4.40	4.60	4.47	4.53	4.53	4.67	4.60	4.60	4.53	4.67	4.57	Rất tốt
23	Kinh tế học đại cương	TT GDNN-GD TX H. Thống Nhất	ĐTTX	Nguyễn Thị Phúc Doang	65	36	4.28	4.28	4.17	4.17	4.25	4.22	4.19	4.22	4.22	4.31	4.22	4.31	4.25	4.28	4.22	4.31	4.19	4.31	4.25	4.22	4.24	Rất tốt
24	Kinh tế học đại cương	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Nguyễn Thị Phúc Doang	37	18	4.39	4.39	4.44	4.50	4.44	4.44	4.39	4.39	4.39	4.50	4.56	4.61	4.56	4.56	4.61	4.56	4.33	4.39	4.39	4.72	4.48	Rất tốt
25	Kinh tế học đại cương	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Nguyễn Thị Phúc Doang	27	26	4.19	4.35	4.27	4.31	4.35	4.23	4.35	4.31	4.31	4.35	4.35	4.31	4.27	4.35	4.35	4.23	4.38	4.31	4.38	4.38	4.32	Rất tốt
26	Kinh tế học đại cương	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Lê Công Tâm	54	46	4.76	4.74	4.76	4.74	4.78	4.74	4.72	4.76	4.74	4.76	4.72	4.76	4.76	4.76	4.76	4.74	4.76	4.76	4.74	4.74	4.75	Rất tốt
27	Kinh Tế Môi Trường	TT GDNN - GD TX Q. Thốt Nốt	ĐTTX	Tổng Hồng Lam	20	20	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.35	4.35	4.40	4.35	4.35	4.35	4.40	4.35	4.40	4.40	4.35	4.35	4.35	4.40	4.40	4.38	Rất tốt
28	Kinh Tế Quốc Tế	TT GDNN - GD TX Q. Thốt Nốt	ĐTTX	Nguyễn Văn Sơn	20	20	4.40	4.40	4.40	4.35	4.40	4.40	4.35	4.45	4.40	4.35	4.35	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.39	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
29	Kinh Tế Vi Mô	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Dương Tiến Hà Mỹ	25	12	4.58	4.67	4.67	4.75	4.67	4.58	4.67	4.50	4.58	4.58	4.58	4.58	4.58	4.58	4.50	4.50	4.42	4.42	4.50	4.58	4.58	Rất tốt
30	Kinh Tế Vi Mô	BCH Quân sự Quận Bình Tân	ĐTTX	Phạm Thị Ngọc Sương	49	30	4.76	4.83	4.55	4.76	4.79	4.83	4.76	4.79	4.79	4.83	4.76	4.83	4.76	4.83	4.79	4.72	4.79	4.76	4.76	4.72	4.77	Rất tốt
31	Kinh Tế Vi Mô	BCH Quân sự Quận 4	ĐTTX	Bùi Anh Sơn	74	30	4.37	4.47	4.37	4.47	4.43	4.43	4.43	4.47	4.40	4.47	4.43	4.47	4.43	4.47	4.43	4.47	4.43	4.47	4.43	4.47	4.44	Rất tốt
32	Kinh Tế Vi Mô 1	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Đặng Văn Thanh	20	36	4.22	4.28	4.14	4.28	4.42	4.47	4.36	4.33	4.33	4.39	4.33	4.42	4.42	4.31	4.39	4.36	4.39	4.44	4.39	4.44	4.36	Rất tốt
33	Kinh Tế Vi Mô 1	TT GDNN - GD TX Q.Thốt Nốt	ĐTTX	Bùi Anh Sơn	35	31	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
34	Kinh Tế Vi Mô 1	TT GD TX Tây Ninh	ĐTTX	Bùi Anh Sơn	45	35	4.63	4.66	4.63	4.60	4.63	4.54	4.63	4.63	4.66	4.71	4.66	4.60	4.71	4.66	4.63	4.66	4.71	4.69	4.69	4.74	4.65	Rất tốt
35	Kinh Tế Vi Mô 1	TT GD TX Bến Tre	VLVH	Quan Minh Quốc Bình	40	24	4.58	4.63	4.54	4.63	4.54	4.63	4.75	4.75	4.58	4.67	4.75	4.58	4.71	4.67	4.75	4.63	4.63	4.58	4.63	4.63	4.64	Rất tốt
36	Kinh Tế Vi Mô 1	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Phạm Đình Long	35	35	4.91	4.74	4.74	4.71	4.83	4.83	4.83	4.86	4.69	4.83	4.86	4.89	4.89	4.94	4.86	4.80	4.89	4.86	4.94	4.91	4.84	Rất tốt
37	Kinh Tế Vi Mô 1	Trường TCN Củ Chi	VLVH	Bùi Anh Sơn	51	51	4.56	4.62	4.62	4.60	4.62	4.64	4.60	4.64	4.64	4.62	4.58	4.64	4.62	4.68	4.66	4.64	4.68	4.68	4.70	4.66	4.64	Rất tốt
38	Kinh Tế Vi Mô 1	TT GD TX Khánh Hòa	ĐTTX	Bùi Anh Sơn	57	47	4.43	4.38	4.45	4.38	4.43	4.40	4.45	4.40	4.49	4.45	4.51	4.43	4.45	4.47	4.47	4.53	4.51	4.49	4.53	4.53	4.46	Rất tốt
39	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Trường CĐ Nghệ Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Võ Minh Đức	47	47	4.60	4.62	4.57	4.62	4.60	4.60	4.62	4.62	4.57	4.62	4.60	4.62	4.60	4.62	4.57	4.60	4.60	4.62	4.60	4.62	4.60	Rất tốt
40	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Trường Chính trị Lâm Đồng	VLVH	Lâm Tố Trang	34	32	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	Rất tốt
41	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	TT GD TX Bình Phước	ĐTTX	Võ Minh Đức	33	32	4.66	4.63	4.66	4.63	4.63	4.66	4.63	4.63	4.63	4.59	4.59	4.66	4.63	4.66	4.66	4.69	4.69	4.63	4.66	4.66	4.64	Rất tốt
42	Kỹ Năng Học Tập	Cơ Sở 3-Bình Dương	VLVH	Đặng Năng Hòa	18	15	4.53	4.40	4.47	4.47	4.53	4.53	4.53	4.47	4.60	4.47	4.53	4.60	4.60	4.40	4.73	4.67	4.73	4.73	4.73	4.57	4.57	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
43	Kỹ năng làm việc hiệu quả 1	TT GD TX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Thị Thủy	40	25	4.60	4.60	4.64	4.60	4.68	4.68	4.60	4.56	4.60	4.60	4.64	4.60	4.64	4.68	4.64	4.80	4.64	4.56	4.68	4.72	4.64	Rất tốt
44	Kỹ năng làm việc hiệu quả 2	TT GD TX Bến Tre	VLVH	Phan Thị Mai Quyền	40	24	4.50	4.50	4.54	4.67	4.63	4.67	4.67	4.71	4.50	4.63	4.67	4.67	4.58	4.58	4.50	4.54	4.54	4.58	4.58	4.58	4.59	Rất tốt
45	Kỹ năng làm việc hiệu quả 3	TT GD TX Tây Ninh	ĐTTX	Phan Thị Mai Quyền	45	34	4.74	4.71	4.71	4.71	4.76	4.74	4.76	4.82	4.82	4.74	4.79	4.79	4.74	4.74	4.76	4.82	4.38	4.53	4.53	4.53	4.71	Rất tốt
46	Kỹ năng làm việc hiệu quả 3	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Huỳnh Kim Tôn	35	35	4.34	4.57	4.40	4.54	4.43	4.60	4.31	4.46	4.46	4.66	4.51	4.51	4.46	4.49	4.49	4.63	4.51	4.63	4.51	4.60	4.51	Rất tốt
47	Kỹ năng làm việc hiệu quả 4	TT GD TX Tây Ninh	ĐTTX	Phan Thị Mai Quyền	45	35	4.71	4.74	4.69	4.83	4.83	4.80	4.77	4.80	4.69	4.66	4.66	4.74	4.86	4.80	4.80	4.80	4.74	4.77	4.71	4.77	4.76	Rất tốt
48	Kỹ năng làm việc hiệu quả 4	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Huỳnh Kim Tôn	35	35	4.06	4.31	4.37	4.29	4.37	4.34	4.40	4.43	4.34	4.34	4.29	4.43	4.34	4.46	4.26	4.20	4.34	4.46	4.37	4.43	4.34	Rất tốt
49	Kỹ thuật xây dựng văn bản	Trường CĐCD Bình Thuận	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	34	32	4.38	4.41	4.38	4.41	4.41	4.38	4.47	4.41	4.38	4.44	4.41	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.41	4.41	4.44	4.47	4.43	Rất tốt
50	Kỹ thuật xây dựng văn bản	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Thị Nhân	25	14	4.64	4.71	4.64	4.71	4.64	4.64	4.50	4.50	4.57	4.57	4.64	4.71	4.57	4.50	4.64	4.64	4.64	4.64	4.64	4.64	4.62	Rất tốt
51	Lập kế hoạch kinh doanh	Cơ Sở 3-Bình Dương	VLVH	Đỗ Thanh Lưu	16	16	4.19	4.44	4.13	4.31	4.38	4.31	4.44	4.38	4.31	4.38	4.44	4.38	4.31	4.44	4.38	4.44	4.50	4.50	4.44	4.44	4.38	Rất tốt
52	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Phạm Huy Tiến	37	20	4.95	4.85	4.75	4.95	4.90	4.90	4.80	4.90	4.85	4.95	4.95	4.95	4.90	4.95	4.95	4.95	4.90	4.95	4.95	4.95	4.91	Rất tốt
53	Lịch sử nhà nước và pháp luật	TT GD TX H.Chur Păh - Gia Lai	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	75	68	4.34	4.40	4.43	4.50	4.44	4.43	4.46	4.44	4.41	4.49	4.46	4.47	4.44	4.49	4.56	4.53	4.53	4.50	4.53	4.51	4.47	Rất tốt
54	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Nguyễn Hoàng Thịnh	61	38	4.34	4.47	4.58	4.58	4.47	4.45	4.63	4.68	4.45	4.53	4.47	4.55	4.37	4.50	4.42	4.61	4.34	4.45	4.58	4.63	4.51	Rất tốt
55	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường CĐCD Bình Thuận	ĐTTX	Dương Hồng Thị Phi Phi	27	23	4.22	4.35	4.26	4.30	4.26	4.35	4.35	4.39	4.22	4.39	4.26	4.30	4.17	4.30	4.30	4.26	4.26	4.30	4.30	4.30	4.29	Rất tốt
56	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Phạm Huy Tiến	54	46	4.76	4.78	4.76	4.74	4.74	4.72	4.78	4.83	4.80	4.80	4.78	4.78	4.80	4.76	4.76	4.78	4.76	4.76	4.76	4.78	4.77	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
57	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường CĐ Kiên Giang - Phú Quốc	ĐTTX	Dương Hồng Thị Phú Phi	52	44	4.77	4.77	4.80	4.77	4.80	4.80	4.75	4.77	4.80	4.77	4.75	4.75	4.77	4.80	4.80	4.75	4.77	4.77	4.77	4.77	4.78	Rất tốt
58	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường TC Tây Nguyên	ĐTTX	Nguyễn Văn Trĩ	45	66	4.32	4.29	4.29	4.32	4.29	4.29	4.26	4.23	4.30	4.29	4.27	4.29	4.30	4.32	4.35	4.36	4.33	4.36	4.36	4.30	4.31	Rất tốt
59	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BCH Quân sự Quận Bình Tân	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	49	42	4.69	4.71	4.64	4.67	4.67	4.64	4.67	4.64	4.69	4.67	4.71	4.67	4.69	4.69	4.69	4.69	4.69	4.71	4.71	4.69	4.68	Rất tốt
60	Logic học	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Nguyễn Thị Kim Yến	37	20	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
61	Logic học	TT GD TX Thanh Niên Xung Phong	ĐTTX	Nguyễn Thị Kim Yến	25	24	4.79	4.79	4.79	4.79	4.79	4.75	4.83	4.75	4.67	4.75	4.71	4.75	4.71	4.79	4.79	4.79	4.83	4.79	4.79	4.75	4.77	Rất tốt
62	Logic học	Trường TC Tây Nguyên	ĐTTX	Lê Hồng Thái	45	45	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	Rất tốt
63	Luật cạnh tranh	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Nguyễn Thị Thủy Nga	72	23	4.43	4.78	4.61	4.65	4.78	4.70	4.65	4.57	4.52	4.61	4.61	4.61	4.65	4.57	4.83	4.52	4.65	4.61	4.52	4.57	4.62	Rất tốt
64	Luật cạnh tranh	TT GD TX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Thị Thủy Nga	35	35	4.86	4.83	4.86	4.77	4.74	4.74	4.69	4.66	4.69	4.69	4.69	4.71	4.77	4.71	4.71	4.71	4.83	4.77	4.74	4.69	4.74	Rất tốt
65	Luật cạnh tranh	Trường CĐCB Bình Thuận	VLVH	Nguyễn Thị Thủy Nga	66	23	4.52	4.57	4.52	4.52	4.48	4.48	4.48	4.52	4.48	4.52	4.52	4.57	4.57	4.61	4.57	4.52	4.52	4.52	4.52	4.52	4.53	Rất tốt
66	Luật cạnh tranh	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Từ Thanh Thảo	47	47	4.62	4.60	4.60	4.57	4.66	4.64	4.66	4.66	4.64	4.66	4.62	4.60	4.62	4.62	4.66	4.60	4.62	4.62	4.64	4.60	4.62	Rất tốt
67	Luật cạnh tranh	TT GD TX Bình Phước	ĐTTX	Trần Huỳnh Thanh Nghị	33	85	4.50	4.52	4.56	4.54	4.55	4.56	4.57	4.55	4.51	4.52	4.54	4.56	4.57	4.57	4.57	4.55	4.52	4.56	4.56	4.58	4.55	Rất tốt
68	Luật dân sự 1	Cơ Sở 5-Ninh Hòa	ĐTTX	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	47	34	4.21	4.29	4.24	4.26	4.29	4.29	4.29	4.26	4.29	4.32	4.32	4.26	4.32	4.29	4.32	4.32	4.29	4.29	4.29	4.29	4.29	Rất tốt
69	Luật dân sự 1	TT GD TX T Bà Rịa - Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18	8	4.50	4.50	4.63	4.63	4.63	4.50	4.50	4.50	4.63	4.50	4.63	4.50	4.50	4.63	4.50	4.50	4.50	4.50	4.63	4.63	4.55	Rất tốt
70	Luật dân sự 1	BCH Quân sự Quận 4	ĐTTX	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	74	30	4.47	4.43	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đang ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
71	Luat dân sự 2	Trường CĐ Nghệ Long An-CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Vũ Thế Hoài	54	42	4.38	4.38	4.40	4.40	4.40	4.40	4.45	4.48	4.43	4.50	4.40	4.43	4.38	4.38	4.43	4.38	4.43	4.38	4.36	4.38	4.41	Rất tốt
72	Luat dân sự 2	TT GDIX H.Đăk Pơ - Gia Lai	ĐTTX	Phạm Thị Kim Phượng	47	28	4.39	4.43	4.43	4.46	4.43	4.46	4.43	4.46	4.43	4.46	4.46	4.46	4.43	4.46	4.43	4.46	4.43	4.46	4.43	4.46	4.44	Rất tốt
73	Luat dân sự 2	Trường ICN Cù Chi	VLVH	Lâm Tố Trang	40	40	4.48	4.45	4.58	4.70	4.63	4.73	4.63	4.65	4.65	4.58	4.55	4.58	4.63	4.60	4.65	4.68	4.75	4.68	4.68	4.80	4.63	Rất tốt
74	Luat đất đai	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Phan Thị Tường Vi	61	34	4.38	4.59	4.56	4.50	4.62	4.68	4.62	4.65	4.56	4.62	4.50	4.56	4.56	4.68	4.62	4.56	4.59	4.56	4.74	4.68	4.59	Rất tốt
75	Luat đất đai	TT GDIX H.Đăk Pơ - Gia Lai	ĐTTX	Võ Công Nhị	47	29	4.34	4.38	4.38	4.41	4.38	4.38	4.34	4.41	4.38	4.34	4.31	4.38	4.38	4.41	4.34	4.38	4.34	4.38	4.34	4.41	4.37	Rất tốt
76	Luat đất đai	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Ninh Thị Hiền	31	27	4.70	4.70	4.59	4.70	4.70	4.63	4.63	4.67	4.56	4.67	4.56	4.63	4.67	4.67	4.70	4.70	4.59	4.67	4.74	4.70	4.66	Rất tốt
77	Luat đất đai	TT GDIX T.Bà Rịa - Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Huỳnh Anh Như	18	10	4.40	4.50	4.40	4.40	4.30	4.20	4.30	4.30	4.50	4.40	4.40	4.40	4.10	4.20	4.40	4.30	4.40	4.30	4.40	4.40	4.35	Rất tốt
78	Luat đất đai	Trường CĐ Kiến Giang - Phú Quốc	ĐTTX	Nguyễn Huỳnh Anh Như	42	32	4.63	4.59	4.53	4.56	4.66	4.59	4.50	4.59	4.53	4.53	4.59	4.59	4.66	4.59	4.66	4.53	4.53	4.56	4.56	4.59	4.58	Rất tốt
79	Luat hành chính	TT GDIX T.Bà Rịa - Vũng Tàu	ĐTTX	Lương Thị Thu Hương	18	10	4.40	4.40	4.40	4.40	4.30	4.30	4.40	4.50	4.40	4.40	4.30	4.20	4.30	4.40	4.50	4.30	4.30	4.40	4.40	4.40	4.38	Rất tốt
80	Luat hành chính	Trường CĐ Kiến Giang - Phú Quốc	ĐTTX	Diệp Thanh Sơn	52	42	4.76	4.74	4.76	4.76	4.74	4.74	4.76	4.76	4.79	4.76	4.76	4.76	4.79	4.79	4.79	4.76	4.76	4.74	4.76	4.74	4.76	Rất tốt
81	Luat hiến pháp	TT GDNN-GDIX Châu Thành-Hậu Giang	VLVH	Phạm Thị Diệu Hiền	29	27	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	Rất tốt
82	Luat hiến pháp	Trường CĐ Nghệ Long An-CS Đồng Tháp Mười	ĐTTX	Lê Thị Hồng Nhung	37	21	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	4.95	Rất tốt
83	Luat hiến pháp	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Phạm Thị Diệu Hiền	72	38	4.37	4.47	4.47	4.47	4.50	4.45	4.50	4.53	4.50	4.53	4.55	4.42	4.39	4.53	4.47	4.55	4.37	4.53	4.42	4.63	4.48	Rất tốt
84	Luat hiến pháp	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Phạm Thị Kim Phượng	27	23	4.35	4.39	4.43	4.43	4.43	4.43	4.39	4.43	4.48	4.39	4.43	4.52	4.43	4.48	4.48	4.52	4.43	4.57	4.43	4.57	4.45	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
85	Lược luận pháp	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Nguyễn Hoàng Thịnh	54	46	4.76	4.76	4.74	4.76	4.76	4.76	4.76	4.78	4.76	4.78	4.76	4.76	4.80	4.74	4.78	4.78	4.78	4.74	4.76	4.76	4.77	Rất tốt
86	Lược luận pháp	TT GDIX T.Bà Rịa -Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Hoàng Thịnh	18	9	4.56	4.67	4.56	4.44	4.44	4.44	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.44	4.44	4.56	4.56	4.56	4.56	4.53	Rất tốt
87	Lược luận pháp	Trường CĐ Kiên Giang - Phú Quốc	ĐTTX	Nguyễn Nhật Khanh	52	42	4.74	4.71	4.71	4.71	4.71	4.76	4.74	4.76	4.74	4.74	4.74	4.71	4.76	4.74	4.76	4.74	4.71	4.74	4.74	4.71	4.73	Rất tốt
88	Lược luận pháp	Trường TC Tây Nguyên	ĐTTX	Lê Thị Hồng Nhung	45	68	4.25	4.29	4.26	4.28	4.32	4.31	4.28	4.28	4.25	4.25	4.25	4.25	4.24	4.25	4.26	4.26	4.26	4.26	4.26	4.26	4.27	Rất tốt
89	Lược luận pháp	BCH Quân sự Quận Bình Tân	ĐTTX	Nguyễn Hoàng Thịnh	49	41	4.66	4.68	4.68	4.61	4.66	4.66	4.71	4.68	4.71	4.71	4.71	4.66	4.71	4.68	4.68	4.73	4.68	4.68	4.71	4.73	4.69	Rất tốt
90	Lược luận pháp nước ngoài	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH	Trần Thị Mai Phước	26	21	4.33	4.52	4.38	4.52	4.52	4.57	4.57	4.43	4.48	4.43	4.52	4.38	4.52	4.52	4.52	4.43	4.43	4.43	4.43	4.48	4.47	Rất tốt
91	Lược luận pháp nước ngoài	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	38	38	4.58	4.55	4.50	4.58	4.53	4.50	4.58	4.63	4.58	4.63	4.55	4.63	4.66	4.55	4.63	4.68	4.68	4.55	4.61	4.50	4.59	Rất tốt
92	Lược luận pháp nước ngoài	TT GDNN-GDIX Chư Pưh - Gia Lai	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	50	46	4.52	4.50	4.52	4.57	4.52	4.52	4.50	4.48	4.54	4.54	4.48	4.54	4.54	4.54	4.54	4.48	4.54	4.52	4.54	4.46	4.52	Rất tốt
93	Lược luận pháp nước ngoài	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Nguyễn Đình Sơn	54	42	4.57	4.57	4.64	4.64	4.62	4.60	4.64	4.60	4.67	4.71	4.67	4.62	4.62	4.62	4.62	4.71	4.64	4.69	4.69	4.67	4.64	Rất tốt
94	Lược luận pháp nước ngoài	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Bùi Đình Tiến	61	37	4.65	4.78	4.65	4.70	4.68	4.76	4.65	4.62	4.62	4.76	4.70	4.70	4.57	4.70	4.76	4.81	4.76	4.65	4.76	4.78	4.70	Rất tốt
95	Lược luận pháp nước ngoài	TT GDIX T.Bà Rịa -Vũng Tàu	ĐTTX	Phạm Thanh Tú	18	10	4.40	4.40	4.30	4.30	4.30	4.40	4.30	4.30	4.20	4.30	4.20	4.20	4.20	4.10	4.50	4.50	4.50	4.30	4.30	4.30	4.32	Rất tốt
96	Lược luận pháp nước ngoài	Trường TCN Củ Chi	ĐTTX	Bùi Đình Tiến	40	40	4.63	4.53	4.75	4.60	4.70	4.70	4.75	4.78	4.75	4.70	4.60	4.60	4.70	4.70	4.73	4.65	4.78	4.70	4.75	4.78	4.69	Rất tốt
97	Lược luận pháp nước ngoài	BCH Quân sự Quận 4	ĐTTX	Phạm Thanh Tú	74	29	4.34	4.31	4.31	4.31	4.31	4.34	4.34	4.31	4.31	4.34	4.31	4.34	4.34	4.28	4.34	4.34	4.31	4.34	4.34	4.31	4.33	Rất tốt
98	Lược luận pháp nước ngoài	TT GDIX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Đăng Nghĩa	23	23	4.65	4.70	4.65	4.52	4.65	4.70	4.70	4.74	4.70	4.78	4.74	4.70	4.70	4.83	4.70	4.74	4.70	4.74	4.78	4.78	4.71	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
99	Luật hôn nhân gia đình	TT GDIX Khánh Hòa	ĐTIX	Huỳnh Thị Kim Lan	31	31	4.45	4.52	4.45	4.48	4.52	4.45	4.45	4.48	4.52	4.52	4.48	4.52	4.48	4.52	4.52	4.58	4.52	4.52	4.52	4.52	4.50	Rất tốt
100	Luật lao động	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTIX	Nguyễn Thị Hồng	72	41	4.39	4.59	4.46	4.54	4.51	4.51	4.49	4.73	4.54	4.66	4.63	4.63	4.61	4.56	4.59	4.71	4.63	4.71	4.68	4.68	4.59	Rất tốt
101	Luật lao động	TT GDIX Bình Phước	ĐTIX	Nguyễn Thị Hồng	33	33	4.64	4.67	4.73	4.70	4.70	4.70	4.70	4.61	4.67	4.70	4.67	4.70	4.73	4.76	4.73	4.70	4.76	4.73	4.76	4.73	4.70	Rất tốt
102	Luật môi trường	Trường TC Bách Nghệ TP HCM	VLVH	Phan Thy Trương Vi	26	19	4.26	4.47	4.42	4.47	4.26	4.32	4.32	4.42	4.32	4.37	4.32	4.26	4.42	4.47	4.47	4.47	4.32	4.53	4.37	4.37	4.38	Rất tốt
103	Luật môi trường	TT GDIX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Huỳnh Anh Như	35	35	4.71	4.71	4.74	4.77	4.71	4.77	4.74	4.71	4.69	4.69	4.71	4.66	4.74	4.80	4.69	4.66	4.71	4.77	4.83	4.71	4.73	Rất tốt
104	Luật môi trường	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	ĐTIX	Phan Thy Trương Vi	45	26	4.23	4.27	4.31	4.23	4.19	4.23	4.31	4.27	4.27	4.27	4.35	4.27	4.23	4.35	4.27	4.27	4.23	4.23	4.27	4.27	4.27	Rất tốt
105	Luật môi trường	TT GDIX Gia Lai	VLVH	Võ Trung Tín	71	81	4.22	4.30	4.25	4.28	4.31	4.31	4.25	4.30	4.25	4.27	4.25	4.26	4.28	4.31	4.26	4.28	4.23	4.28	4.28	4.26	4.27	Rất tốt
106	Luật môi trường	TT GDNN - GDIX Q. Thốt Nốt	ĐTIX	Nguyễn Huỳnh Anh Như	20	20	4.40	4.40	4.45	4.35	4.40	4.40	4.40	4.35	4.40	4.40	4.45	4.45	4.45	4.45	4.40	4.40	4.45	4.45	4.40	4.45	4.42	Rất tốt
107	Luật ngân hàng	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTIX	Phan Phương Nam	25	14	4.57	4.57	4.57	4.57	4.71	4.64	4.71	4.64	4.64	4.64	4.64	4.57	4.50	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.60	Rất tốt
108	Luật ngân hàng	TT GDNN - GDIX Huyện Nhà Bè	VLVH	Phan Phương Nam	37	37	4.35	4.38	4.35	4.35	4.54	4.54	4.51	4.54	4.57	4.57	4.57	4.54	4.57	4.57	4.57	4.54	4.51	4.57	4.57	4.38	4.50	Rất tốt
109	Luật sở hữu trí tuệ	TT GDIX Bến Tre	VLVH	Lê Thị Tuyết Hà	35	35	4.37	4.34	4.34	4.34	4.43	4.37	4.37	4.34	4.37	4.37	4.29	4.26	4.31	4.31	4.31	4.34	4.34	4.31	4.31	4.31	4.34	Rất tốt
110	Luật sở hữu trí tuệ	TT GDIX Thanh Niên Xung Phong	ĐTIX	Lê Thị Tuyết Hà	31	30	4.27	4.27	4.27	4.33	4.30	4.30	4.30	4.27	4.27	4.30	4.27	4.27	4.23	4.30	4.30	4.27	4.27	4.27	4.27	4.27	4.28	Rất tốt
111	Luật sở hữu trí tuệ	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	ĐTIX	Lê Thị Tuyết Hà	34	31	4.32	4.42	4.35	4.39	4.42	4.45	4.42	4.39	4.45	4.42	4.42	4.42	4.42	4.42	4.35	4.35	4.35	4.35	4.45	4.45	4.40	Rất tốt
112	Luật tài chính	Trường CĐ Nghệ Long An-CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Diệp Thanh Sơn	54	42	4.55	4.60	4.62	4.57	4.60	4.64	4.64	4.62	4.64	4.62	4.67	4.60	4.64	4.64	4.60	4.60	4.67	4.57	4.62	4.64	4.62	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
113	Luật tài chính	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	ĐTIX	Diệp Thanh Sơn	27	23	4.30	4.35	4.39	4.48	4.48	4.35	4.30	4.43	4.35	4.35	4.30	4.43	4.35	4.35	4.35	4.48	4.39	4.35	4.39	4.39	4.38	Rất tốt
114	Luật tài chính	IT GDIX HĐAK Pơ - Gia Lai	ĐTIX	Diệp Thanh Sơn	47	28	4.36	4.43	4.36	4.39	4.43	4.36	4.39	4.43	4.36	4.39	4.43	4.32	4.39	4.36	4.36	4.32	4.36	4.32	4.36	4.32	4.37	Rất tốt
115	Luật thi hành án dân sự	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	VLVH	Trần Anh Thục Đoan	66	90	4.18	4.19	4.23	4.20	4.19	4.24	4.27	4.23	4.20	4.20	4.23	4.25	4.20	4.23	4.20	4.18	4.18	4.25	4.21	4.24	4.21	Rất tốt
116	Luật thi hành án dân sự	IT GDNN-GDIX Chư Pưh - Gia Lai	ĐTIX	Trần Thị Kim Huế	50	46	4.57	4.59	4.52	4.54	4.59	4.54	4.59	4.57	4.61	4.59	4.59	4.59	4.59	4.61	4.63	4.61	4.61	4.63	4.63	4.61	4.59	Rất tốt
117	Luật thi hành án dân sự	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTIX	Nguyễn Thị Hồng	31	15	4.73	4.60	4.80	4.67	4.67	4.80	4.60	4.47	4.60	4.73	4.60	4.67	4.67	4.73	4.73	4.53	4.47	4.60	4.87	4.80	4.67	Rất tốt
118	Luật Thuế (Pháp luật về thuế)	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	ĐTIX	Phan Thy Tường Vi	42	36	4.53	4.53	4.50	4.58	4.50	4.56	4.53	4.56	4.56	4.50	4.50	4.60	4.50	4.53	4.56	4.67	4.64	4.56	4.56	4.67	4.56	Rất tốt
119	Luật Thuế (Pháp luật về thuế)	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTIX	Lê Xuân Quang	25	14	4.36	4.50	4.36	4.57	4.50	4.57	4.43	4.64	4.57	4.57	4.50	4.50	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.53	Rất tốt
120	Luật Thuế (Pháp luật về thuế)	Trường TCN Cù Chi	ĐTIX	Lê Xuân Quang	40	39	4.31	4.38	4.38	4.59	4.41	4.51	4.41	4.44	4.51	4.44	4.51	4.49	4.49	4.46	4.49	4.49	4.56	4.51	4.54	4.59	4.48	Rất tốt
121	Luật Thuế (Pháp luật về thuế)	IT GDNN - GDIX Huyện Nhà Bè	VLVH	Lê Xuân Quang	37	37	4.41	4.41	4.35	4.38	4.54	4.54	4.57	4.57	4.57	4.57	4.59	4.59	4.59	4.57	4.57	4.59	4.59	4.59	4.59	4.41	4.53	Rất tốt
122	Luật thương mại 1	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTIX	Nguyễn Thị Tâm	25	14	4.36	4.79	4.71	4.79	4.71	4.71	4.71	4.79	4.71	4.79	4.64	4.79	4.71	4.71	4.64	4.71	4.71	4.79	4.71	4.79	4.71	Rất tốt
123	Luật thương mại 1	Trường CĐ Kiên Giang - Phú Quốc	ĐTIX	Nguyễn Thị Tâm	42	32	4.66	4.69	4.59	4.63	4.69	4.72	4.59	4.63	4.59	4.63	4.72	4.69	4.72	4.72	4.75	4.66	4.63	4.72	4.72	4.72	4.67	Rất tốt
124	Luật thương mại quốc tế	Trường CĐ Nghề Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Phan Đăng Hiếu Thuận	47	47	4.66	4.66	4.66	4.66	4.64	4.64	4.66	4.66	4.64	4.64	4.66	4.64	4.66	4.64	4.66	4.64	4.66	4.64	4.66	4.64	4.65	Rất tốt
125	Luật thương mại quốc tế	Trường Chính trị Lâm Đồng	VLVH	Phan Đăng Hiếu Thuận	34	31	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	Rất tốt
126	Luật thương mại quốc tế	IT GDNN - GDIX Q.Thốt Nốt	ĐTIX	Nguyễn Ngọc Lâm	20	20	4.45	4.45	4.45	4.50	4.50	4.40	4.45	4.45	4.40	4.50	4.45	4.50	4.45	4.45	4.45	4.45	4.45	4.50	4.50	4.50	4.46	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
127	Luật tổ tụng dân sự	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Trần Anh Thục Đoàn	25	16	4.50	4.44	4.50	4.56	4.56	4.50	4.50	4.50	4.44	4.50	4.44	4.56	4.69	4.56	4.56	4.56	4.44	4.56	4.63	4.56	4.53	Rất tốt
128	Luật tổ tụng dân sự	IT GDNN - GDTC Huyện Nhà Bè	VLVH	Nguyễn Thị Hồng	37	36	4.31	4.31	4.33	4.36	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.47	4.50	4.50	4.47	4.50	4.53	4.53	4.36	4.46	Rất tốt	
129	Luật tổ tụng dân sự	Trường CB Kiến Giang - Phú Quốc	ĐTTX	Trần Anh Thục Đoàn	42	31	4.52	4.48	4.58	4.58	4.58	4.55	4.48	4.58	4.52	4.65	4.58	4.48	4.52	4.48	4.58	4.61	4.55	4.61	4.65	4.65	4.56	Rất tốt
130	Luật tổ tụng hành chính	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Cao Vũ Minh	31	18	4.72	4.78	4.72	4.72	4.78	4.83	4.67	4.61	4.72	4.83	4.61	4.72	4.67	4.78	4.89	4.72	4.61	4.78	4.72	4.89	4.74	Rất tốt
131	Luật tổ tụng hình sự	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Nguyễn Đình Sơn	31	30	4.53	4.50	4.47	4.43	4.50	4.43	4.33	4.53	4.40	4.60	4.43	4.47	4.53	4.50	4.50	4.43	4.50	4.57	4.53	4.49	Rất tốt	
132	Luật tổ tụng hình sự	TT GDTC Khánh Hòa	ĐTTX	Phan Ái Nhi	31	31	4.42	4.45	4.48	4.42	4.45	4.48	4.45	4.52	4.45	4.48	4.48	4.48	4.45	4.48	4.42	4.55	4.45	4.48	4.52	4.45	4.47	Rất tốt
133	Luyện dịch 1	Học viện Chính trị KV2	ĐTTX	Lý Thị Mỹ Hạnh	68	69	4.42	4.45	4.35	4.33	4.52	4.36	4.48	4.43	4.33	4.36	4.42	4.48	4.51	4.43	4.38	4.38	4.46	4.52	4.48	4.45	4.43	Rất tốt
134	Luyện dịch 2	TT GDTC Tây Ninh	VLVH	Lý Thị Mỹ Hạnh	44	21	4.71	4.76	4.81	4.57	4.71	4.62	4.81	4.86	4.67	4.71	4.67	4.76	4.81	4.71	4.76	4.81	4.86	4.76	4.81	4.71	4.75	Rất tốt
135	Lý luận nhà nước và pháp luật	TT GDTC H.Chư Păh - Gia Lai	ĐTTX	Bùi Đình Tiến	75	63	4.41	4.49	4.57	4.62	4.67	4.59	4.63	4.63	4.63	4.63	4.70	4.59	4.63	4.63	4.63	4.59	4.57	4.60	4.62	4.60	Rất tốt	
136	Lý luận nhà nước và pháp luật	TT GDTC Thanh Niên Xung Phong	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuyền	25	31	4.23	4.35	4.35	4.58	4.42	4.48	4.45	4.48	4.39	4.45	4.42	4.55	4.45	4.48	4.29	4.29	4.42	4.45	4.55	4.58	4.43	Rất tốt
137	Lý luận nhà nước và pháp luật	Trường TC Tây Nguyên	ĐTTX	Diệp Thanh Sơn	45	66	4.26	4.30	4.26	4.33	4.38	4.36	4.38	4.21	4.27	4.27	4.27	4.30	4.27	4.26	4.26	4.32	4.33	4.35	4.33	4.27	4.30	Rất tốt
138	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trường TCN Củ Chi	ĐTTX	Võ Thanh Hải	51	52	4.31	4.52	4.46	4.69	4.44	4.56	4.37	4.54	4.50	4.46	4.48	4.52	4.44	4.52	4.46	4.46	4.52	4.48	4.42	4.50	4.48	Rất tốt
139	Marketing căn bản	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Hoàng Thọ Phú	20	37	4.32	4.38	4.27	4.30	4.38	4.27	4.35	4.35	4.32	4.35	4.35	4.32	4.38	4.43	4.38	4.38	4.32	4.41	4.41	4.35	4.35	Rất tốt
140	Marketing căn bản	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Nguyễn Thị Minh Mẫn	18	28	4.36	4.43	4.25	4.14	4.39	4.32	4.32	4.25	4.29	4.50	4.46	4.32	4.57	4.50	4.54	4.43	4.50	4.61	4.61	4.42	4.42	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đang ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
141	Nghe nói 1	TT GDNN-GDTH Quận 6	VLVH	Nguyễn Thị Hương Nhài	25	25	4.64	4.48	4.48	4.44	4.48	4.56	4.44	4.48	4.52	4.52	4.48	4.52	4.56	4.52	4.48	4.48	4.56	4.56	4.52	4.52	4.51	Rất tốt
142	Nghe nói 2	Học viện Chính trị KV2	ĐTTX	Nguyễn Trần Ái Duyệt	68	70	4.73	4.76	4.73	4.69	4.76	4.71	4.74	4.73	4.67	4.71	4.70	4.76	4.80	4.74	4.83	4.77	4.76	4.77	4.79	4.79	4.75	Rất tốt
143	Nghe nói 3	TT GDTH Tây Ninh	VLVH	Nguyễn Phước Bích Hằng	44	21	4.76	4.76	4.71	4.62	4.90	4.86	4.90	4.95	4.90	4.81	4.76	4.86	4.86	4.71	4.86	4.81	4.86	4.86	4.86	4.81	4.82	Rất tốt
144	Nghe nói 4	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Lâm Thành Nam	25	19	4.42	4.42	4.42	4.47	4.53	4.68	4.32	4.42	4.63	4.74	4.74	4.63	4.21	4.16	4.68	4.58	4.42	4.58	4.68	4.79	4.53	Rất tốt
145	Nghe nói 5	Trường CĐCB Đồng Tháp	VLVH	Lê Hoàng Huy	23	11	4.64	4.64	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.64	4.64	4.64	4.55	4.55	4.36	4.55	4.45	4.55	4.55	4.64	4.64	4.56	Rất tốt
146	Ngữ Pháp	TT GDNN-GDTH Quận 6	ĐTTX	Lý Thị Mỹ Hạnh	25	25	4.48	4.48	4.36	4.40	4.48	4.32	4.48	4.60	4.44	4.56	4.48	4.64	4.52	4.44	4.52	4.56	4.52	4.56	4.64	4.64	4.51	Rất tốt
147	Nguyên lý kế toán	TT GDNN-GDTH Châu Thành-Hậu Giang	VLVH	Nguyễn Hoàng Phú Nam	29	32	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	4.59	Rất tốt
148	Nguyên lý kế toán	Cơ Sở 3-Bình Dương	VLVH	Nguyễn Hoàng Phú Nam	18	15	4.47	4.53	4.47	4.27	4.53	4.40	4.47	4.47	4.47	4.47	4.40	4.40	4.33	4.33	4.33	4.53	4.47	4.47	4.60	4.60	4.46	Rất tốt
149	Nguyên lý kế toán	BCH Quân sự Quận Bình Tân	ĐTTX	Vũ Quốc Thông	49	30	4.70	4.77	4.63	4.70	4.80	4.83	4.80	4.83	4.77	4.80	4.83	4.83	4.77	4.80	4.77	4.83	4.77	4.80	4.83	4.80	4.78	Rất tốt
150	Nguyên lý kế toán	TT GDNN - GDTH Q.Thốt Nốt	ĐTTX	Lý Nguyễn Thu Ngọc	35	31	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
151	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	TT GDTH H.Đắk Pơ - Gia Lai	ĐTTX	Võ Trọng Đường	47	27	4.33	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.37	4.41	4.37	4.41	4.37	4.41	4.37	4.41	4.37	4.41	4.37	4.41	4.37	Rất tốt
152	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Thị Thanh Liên	35	34	4.62	4.71	4.53	4.59	4.65	4.74	4.65	4.74	4.59	4.59	4.68	4.47	4.53	4.50	4.74	4.82	4.74	4.74	4.65	4.65	4.64	Rất tốt
153	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	Trường TCN Cù Chi	ĐTTX	Phạm Phát	51	51	4.35	4.49	4.69	4.61	4.61	4.71	4.49	4.57	4.41	4.59	4.55	4.61	4.51	4.55	4.63	4.49	4.59	4.47	4.71	4.55	4.56	Rất tốt
154	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	TT GDTH Khánh Hòa	ĐTTX	Trần Hoàng Hia	36	24	4.46	4.50	4.46	4.54	4.46	4.58	4.46	4.50	4.46	4.58	4.42	4.58	4.46	4.63	4.46	4.54	4.58	4.54	4.54	4.54	4.51	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
155	Phân tích định lượng trong QT	TT GD TX Tây Ninh	ĐTTX	Trần Kim Ngọc	45	35	4.60	4.69	4.63	4.66	4.66	4.71	4.71	4.74	4.66	4.69	4.69	4.69	4.71	4.57	4.66	4.63	4.49	4.54	4.37	4.57	4.63	Rất tốt
156	Phân tích định lượng trong QT	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Trần Kim Ngọc	20	18	4.56	4.56	4.22	4.44	4.50	4.33	4.50	4.50	4.50	4.56	4.44	4.50	4.56	4.56	4.56	4.61	4.56	4.50	4.56	4.33	4.49	Rất tốt
157	Pháp luật cộng đồng ASEAN	Trường CĐCB Bình Thuận	VLVH	Đào Nguyễn Phương Thảo	66	58	4.41	4.40	4.41	4.41	4.45	4.45	4.45	4.45	4.41	4.41	4.40	4.40	4.40	4.41	4.41	4.41	4.40	4.41	4.40	4.40	4.41	Rất tốt
158	Pháp luật cộng đồng ASEAN	TT GDNN-GD TX Chư Prh - Gia Lai	ĐTTX	Đào Nguyễn Phương Thảo	50	46	4.57	4.57	4.57	4.65	4.61	4.63	4.57	4.61	4.63	4.63	4.63	4.61	4.65	4.67	4.65	4.63	4.63	4.63	4.61	4.61	4.62	Rất tốt
159	Pháp luật đại cương	Trường TC KIKT Công Đoàn Bà Rịa-Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Đăng Nghĩa	25	13	4.69	4.62	4.62	4.69	4.69	4.77	4.77	4.54	4.54	4.62	4.69	4.77	4.69	4.62	4.69	4.46	4.23	4.54	4.62	4.69	4.63	Rất tốt
160	Pháp luật thanh tra và khiếu nại, tố cáo	TT GDNN-GD TX Chư Prh - Gia Lai	ĐTTX	Phan Thị Kim Phụng	50	46	4.50	4.48	4.48	4.46	4.50	4.50	4.52	4.57	4.57	4.57	4.54	4.52	4.54	4.54	4.54	4.52	4.54	4.50	4.50	4.52	4.52	Rất tốt
161	Pháp luật thanh tra và khiếu nại, tố cáo	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Phan Thị Kim Phụng	31	17	4.71	4.71	4.59	4.59	4.76	4.59	4.59	4.53	4.71	4.76	4.59	4.76	4.71	4.71	4.76	4.65	4.59	4.82	4.82	4.88	4.69	Rất tốt
162	Pháp luật về các loại hình thương nhân và phá sản	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuyền	31	30	4.33	4.30	4.30	4.33	4.37	4.37	4.40	4.30	4.33	4.40	4.27	4.37	4.47	4.37	4.43	4.40	4.33	4.37	4.40	4.40	4.36	Rất tốt
163	Pháp luật về các loại hình thương nhân và phá sản	TT GDNN - GD TX Huyện Nhà Bè	VLVH	Bùi Ngọc Tuyền	37	38	4.39	4.39	4.29	4.32	4.50	4.53	4.50	4.55	4.61	4.58	4.58	4.55	4.55	4.53	4.55	4.58	4.55	4.58	4.55	4.39	4.50	Rất tốt
164	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH	Phan Phương Nam	26	22	4.36	4.36	4.41	4.32	4.41	4.32	4.50	4.32	4.55	4.27	4.45	4.36	4.36	4.55	4.55	4.50	4.41	4.50	4.50	4.50	4.43	Rất tốt
165	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Trường CĐ Nghệ Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Nguyễn Thị Cát Tường	47	47	4.60	4.64	4.57	4.64	4.62	4.64	4.62	4.64	4.64	4.64	4.62	4.64	4.62	4.64	4.62	4.64	4.62	4.64	4.62	4.62	4.62	Rất tốt
166	Pháp luật về công chứng và chứng thực	TT GD TX Bình Phước	ĐTTX	Phạm Thị Kim Phụng	19	19	4.32	4.42	4.42	4.42	4.42	4.32	4.32	4.26	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32	4.33	Rất tốt
167	Pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH	Huỳnh Thị Kim Lan	26	20	4.65	4.65	4.60	4.55	4.55	4.55	4.45	4.55	4.60	4.40	4.60	4.40	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.40	4.54	Rất tốt
168	Pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm	Trường TC KIKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Vũ Thế Hoài	72	47	4.47	4.57	4.57	4.53	4.64	4.55	4.68	4.57	4.62	4.68	4.66	4.64	4.64	4.60	4.66	4.51	4.68	4.62	4.70	4.64	4.61	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
169	Pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Vũ Thế Hoài	38	38	4.45	4.55	4.53	4.55	4.53	4.45	4.39	4.53	4.45	4.50	4.58	4.58	4.50	4.45	4.58	4.58	4.61	4.58	4.61	4.61	4.53	Rất tốt
170	Pháp luật về xuất nhập khẩu	TT GD TX Khánh Hòa	ĐTTX	Phan Đăng Hiếu Thuận	23	22	4.36	4.45	4.41	4.32	4.36	4.55	4.41	4.45	4.45	4.55	4.45	4.50	4.36	4.45	4.41	4.50	4.41	4.50	4.41	4.55	4.44	Rất tốt
171	Phát triển cộng đồng	TT GD TX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Huỳnh Minh Hiền	40	5	5.00	5.00	4.80	4.80	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	4.80	4.80	4.80	4.80	5.00	5.00	4.80	4.80	4.80	4.80	4.90	Rất tốt
172	Phương pháp nghiên cứu luật học	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Lê Thị Hồng Nhung	42	40	4.53	4.58	4.50	4.55	4.58	4.60	4.58	4.55	4.63	4.55	4.73	4.63	4.73	4.68	4.70	4.70	4.73	4.68	4.70	4.68	4.63	Rất tốt
173	Phương pháp nghiên cứu luật học	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Nguyễn Thị Tâm	31	28	4.64	4.68	4.68	4.75	4.68	4.68	4.68	4.75	4.68	4.71	4.71	4.75	4.71	4.64	4.68	4.68	4.64	4.71	4.64	4.68	4.69	Rất tốt
174	Phương pháp phân tử hữu hạn	Trường CĐCB Bình Thuận	ĐTTX	Hoàng Thọ Phú	20	27	4.37	4.44	4.37	4.41	4.56	4.59	4.52	4.48	4.56	4.52	4.59	4.52	4.63	4.56	4.52	4.48	4.52	4.52	4.56	4.52	4.51	Rất tốt
175	PP hướng dẫn du lịch	Trường TC DL và KS SÀI GÒN	ĐTTX	Nguyễn Nguyễn Phong	58	56	4.18	4.14	4.16	4.13	4.21	4.23	4.16	4.21	4.20	4.20	4.30	4.21	4.23	4.20	4.21	4.21	4.25	4.29	4.27	4.25	4.21	Rất tốt
176	PP nghiên cứu trong CTXH	TT GD TX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Huỳnh Quốc Tuấn	40	28	4.21	4.32	4.25	4.32	4.36	4.36	4.29	4.25	4.25	4.43	4.32	4.32	4.36	4.36	4.39	4.43	4.25	4.29	4.36	4.32	4.32	Rất tốt
177	Quan Hệ Công Chúng	Cơ Sở 3-Bình Dương	VL VH	Nguyễn Thị Minh Mẫn	16	16	4.31	4.13	4.19	4.50	4.31	4.25	4.38	4.44	4.31	4.38	4.31	4.38	4.31	4.25	4.38	4.38	4.31	4.25	4.31	4.32	Rất tốt	
178	Quản trị bán hàng	Cơ Sở 3-Bình Dương	VL VH	Phạm Minh Dũng	16	16	4.40	4.47	4.40	4.00	4.20	4.27	4.20	4.33	4.13	4.27	4.40	4.33	4.40	4.33	4.40	4.47	4.60	4.27	4.47	4.40	4.34	Rất tốt
179	Quản trị chất lượng	Trường TC KTKT Số 2 Biên Hòa	ĐTTX	Hoàng Mạnh Dũng	18	5	4.20	4.40	4.40	4.20	4.20	4.40	4.60	4.40	4.40	4.40	4.60	4.60	4.80	4.60	4.60	4.40	4.40	4.80	5.00	4.60	4.51	Rất tốt
180	Quản trị chất lượng	Trường CĐCB Đồng Tháp	VL VH	Hoàng Mạnh Dũng	27	20	4.40	4.35	4.15	4.35	4.20	4.25	4.20	4.40	4.40	4.45	4.25	4.30	4.15	4.25	4.40	4.40	4.35	4.40	4.30	4.50	4.32	Rất tốt
181	Quản trị chuỗi cung ứng	Trường CĐCB Đồng Tháp	VL VH	Huỳnh Gia Xuyên	27	19	4.47	4.58	4.53	4.63	4.63	4.37	4.58	4.63	4.53	4.58	4.58	4.37	4.53	4.47	4.68	4.47	4.47	4.53	4.47	4.58	4.53	Rất tốt
182	Quản trị dự án	Cơ Sở 3-Bình Dương	VL VH	Ninh Hiếu Nghĩa	16	15	4.25	4.38	4.56	4.25	4.25	4.38	4.38	4.31	4.38	4.25	4.44	4.19	4.56	4.38	4.38	4.38	4.31	4.25	4.50	4.38	4.36	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
183	Quản trị học	TT GDTC H.Chư Pá - Gia Lai	ĐTTX	Hoàng Mạnh Dũng	75	68	4,47	4,46	4,49	4,53	4,56	4,54	4,50	4,54	4,51	4,51	4,57	4,56	4,59	4,47	4,57	4,54	4,54	4,54	4,63	4,60	4,54	Rất tốt
184	Quản trị học	TT GDTC Thanh Niên Xung Phong	ĐTTX	Huỳnh Kim Tôn	25	23	4,78	4,87	4,83	4,87	4,78	4,91	4,87	4,91	4,91	4,96	4,91	4,87	4,83	4,96	4,87	4,91	4,87	4,96	4,96	4,91	4,89	Rất tốt
185	Quản trị học	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Nguyễn Quốc Hưng	18	29	4,52	4,55	4,45	4,28	4,34	4,48	4,41	4,45	4,45	4,55	4,45	4,62	4,41	4,41	4,48	4,52	4,41	4,52	4,45	4,48	4,46	Rất tốt
186	Quản trị học	TT GDTC Gia Lai	VLVH	Nguyễn Đình Kim	42	9	4,33	4,33	4,33	4,33	4,33	4,33	4,33	4,33	4,33	4,33	4,22	4,22	4,22	4,33	4,33	4,33	4,33	4,22	4,22	4,33	4,31	Rất tốt
187	Quản trị học	Trường TC Tây Nguyên	ĐTTX	Nguyễn Quốc Hưng	45	66	4,23	4,23	4,21	4,23	4,24	4,24	4,26	4,20	4,20	4,21	4,18	4,20	4,20	4,23	4,23	4,23	4,21	4,21	4,21	4,21	4,22	Rất tốt
188	Quản trị học	TT GDNN - GDTC Q. Thốt Nốt	ĐTTX	Nguyễn Quốc Hưng	35	31	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	Rất tốt
189	Quản trị học (TA)	Trường CĐCD Đồng Tháp	VLVH	Nguyễn Đình Kim	23	11	4,64	4,64	4,73	4,55	4,64	4,55	4,64	4,64	4,45	4,55	4,55	4,73	4,55	4,55	4,73	4,73	4,73	4,73	4,73	4,73	4,64	Rất tốt
190	Quản trị Marketing	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Trần Ngọc Anh Vũ	18	28	4,25	4,36	4,18	4,11	4,25	4,21	4,21	4,32	4,14	4,36	4,29	4,25	4,29	4,29	4,46	4,32	4,29	4,39	4,46	4,32	4,29	Rất tốt
191	Quản trị ngành CTXH	TT GDTC Gia Định-Hồn Quán	ĐTTX	Nguyễn Thụy Diễm Hương	39	36	4,36	4,42	4,42	4,42	4,42	4,36	4,39	4,42	4,33	4,39	4,44	4,39	4,42	4,47	4,47	4,47	4,39	4,47	4,44	4,44	4,42	Rất tốt
192	Quản trị nhân lực	TT GDNN-GDTC Châu Thành-Hậu Giang	VLVH	Nguyễn Đức Trung	29	31	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,52	4,48	4,52	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,48	4,49	Rất tốt
193	Quản trị nhân lực	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Phan Thị Thanh Huyền	18	28	4,18	4,25	4,21	4,25	4,18	3,93	4,14	4,36	4,25	4,32	4,36	4,36	4,25	4,25	4,43	4,36	4,25	4,39	4,43	4,32	4,27	Rất tốt
194	Quản trị nhân lực	Cơ Sở 3-Bình Dương	VLVH	Phạm Nam Vĩnh An	18	13	4,54	4,46	4,54	4,31	4,38	4,38	4,46	4,15	4,54	4,62	4,62	4,46	4,54	4,54	4,54	4,54	4,54	4,46	4,46	4,48	4,48	Rất tốt
195	Quản trị nhân lực	Trường CĐ Kiên Giang - Phú Quốc	ĐTTX	Phạm Nam Vĩnh An	52	44	4,84	4,80	4,80	4,82	4,82	4,82	4,82	4,80	4,82	4,82	4,80	4,84	4,84	4,82	4,82	4,80	4,80	4,80	4,82	4,80	4,81	Rất tốt
196	Quản trị nhân lực	BCH Quân sự Quận Bình Tân	ĐTTX	Phan Thị Thanh Huyền	49	43	4,65	4,67	4,70	4,65	4,67	4,67	4,67	4,70	4,72	4,67	4,67	4,70	4,67	4,72	4,70	4,72	4,72	4,72	4,72	4,69	4,69	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
197	Quản trị sự thay đổi	Trường CĐCEĐ Đồng Tháp	VLVH	Phạm Thế Trí	27	23	4.43	4.43	4.39	4.48	4.43	4.48	4.39	4.48	4.39	4.39	4.35	4.39	4.35	4.43	4.35	4.43	4.43	4.43	4.39	4.39	4.41	Rất tốt
198	Quản trị tài chính	TT GDIX Khánh Hòa	ĐITX	Huỳnh Thái Bảo	57	48	4.44	4.52	4.52	4.48	4.52	4.50	4.50	4.48	4.52	4.48	4.50	4.46	4.50	4.48	4.52	4.50	4.52	4.54	4.56	4.58	4.51	Rất tốt
199	Quản trị vận hành	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐITX	Phạm Minh	22	22	4.23	4.36	4.32	4.36	4.36	4.41	4.32	4.41	4.41	4.32	4.36	4.23	4.36	4.41	4.32	4.27	4.32	4.36	4.27	4.36	4.34	Rất tốt
200	Sức bền vật liệu 2	TT GDIX Bến Tre	VLVH	Trần Trung Dũng	24	15	4.93	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
201	Sức bền VLXD	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	ĐITX	Nguyễn Trọng Phước	25	13	4.77	4.85	4.77	4.77	4.69	4.69	4.77	4.85	4.85	4.85	4.92	4.77	4.92	4.77	4.85	4.77	4.92	4.77	4.92	4.92	4.82	Rất tốt
202	Tài chính hành chính sự nghiệp	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	ĐITX	Hồ Thị Bích Nhon	20	19	4.21	4.26	4.11	4.21	4.21	4.26	4.26	4.26	4.11	4.26	4.16	4.21	4.16	4.21	4.32	4.32	4.16	4.16	4.26	4.26	4.22	Rất tốt
203	Tâm lý học đại cương	TT GDNN-GDIX H.Thống Nhất	ĐITX	Trần Thị Thanh Trà	65	36	4.33	4.36	4.28	4.31	4.42	4.39	4.36	4.36	4.36	4.36	4.33	4.36	4.36	4.39	4.44	4.36	4.31	4.36	4.31	4.39	4.36	Rất tốt
204	Tâm lý học đại cương	Cơ Sở 5-Ninh Hòa	ĐITX	Trần Thị Thanh Trà	47	34	4.26	4.26	4.32	4.26	4.29	4.26	4.26	4.29	4.26	4.29	4.29	4.29	4.32	4.29	4.32	4.32	4.35	4.32	4.32	4.29	4.30	Rất tốt
205	Tâm lý học đại cương	Trường CD Nghề Long An-CS Đức Hòa	VLVH	Trần Thị Thanh Trà	54	46	4.76	4.74	4.80	4.78	4.78	4.76	4.76	4.83	4.80	4.83	4.78	4.80	4.83	4.74	4.80	4.80	4.83	4.80	4.80	4.78	4.79	Rất tốt
206	Tham vấn trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	TT GDIX Gia Định-Hòn Quán	ĐITX	Phan Thị Mai Quyền	39	36	4.36	4.44	4.36	4.31	4.39	4.36	4.47	4.44	4.36	4.42	4.42	4.42	4.33	4.47	4.39	4.47	4.44	4.50	4.50	4.44	4.42	Rất tốt
207	Thống kê ứng dụng	TT GDIX Bến Tre	VLVH	Trần Kim Ngọc	40	25	4.20	4.48	4.16	4.48	4.20	4.32	4.24	4.32	4.36	4.48	4.28	4.44	4.36	4.36	4.36	4.40	4.52	4.44	4.40	4.36	4.35	Rất tốt
208	Thống kê ứng dụng	Trường CĐCEĐ Bình Thuận	ĐITX	Tô Thị Kim Hồng	17	18	4.44	4.39	4.50	4.33	4.22	4.28	4.44	4.39	4.44	4.33	4.56	4.33	4.44	4.28	4.44	4.39	4.50	4.50	4.50	4.50	4.41	Rất tốt
209	Thống kê ứng dụng	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐITX	Đỗ Thanh Lưu	35	33	4.12	4.15	4.24	4.27	4.18	4.24	4.18	4.27	4.21	4.24	4.21	4.15	4.15	4.27	4.30	4.24	4.21	4.27	4.24	4.33	4.23	Rất tốt
210	Thống kê ứng dụng	TT GDIX Khánh Hòa	ĐITX	Đỗ Thanh Lưu	57	57	4.49	4.51	4.54	4.47	4.53	4.47	4.53	4.51	4.51	4.56	4.54	4.51	4.53	4.56	4.58	4.54	4.60	4.54	4.58	4.54	4.53	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
211	Tiền tệ Ngân hàng	Trường CĐCD Bình Thuận	ĐTTX	Trần Thế Sao	20	22	4.45	4.45	4.41	4.45	4.59	4.50	4.50	4.55	4.55	4.50	4.59	4.59	4.55	4.59	4.64	4.73	4.64	4.50	4.59	4.50	4.54	Rất tốt
212	Toán Cao Cấp A1	Trường TC KTKT Công Đoàn Bà Rịa-Vũng Tàu	ĐTTX	Vũ Văn Hưng	25	16	4.56	4.75	4.63	4.63	4.56	4.56	4.81	4.63	4.63	4.56	4.75	4.63	4.75	4.63	4.56	4.44	4.44	4.63	4.75	4.69	4.63	Rất tốt
213	Trách nhiệm XH của DN	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Trương Mỹ Diễm	18	26	4.27	4.04	4.23	4.23	4.12	4.15	4.23	4.23	4.23	4.23	4.19	4.31	4.23	4.15	4.31	4.00	4.15	4.27	4.38	4.31	4.21	Rất tốt
214	Tư pháp quốc tế	Trường CĐCD Bình Thuận	VLVH	Nguyễn Thanh Hùng	66	73	4.29	4.30	4.29	4.34	4.33	4.34	4.33	4.33	4.32	4.32	4.33	4.33	4.32	4.36	4.34	4.33	4.30	4.32	4.34	4.30	4.32	Rất tốt
215	Tư pháp quốc tế	IT GDNN-GDIX Chư Prh - Gia Lai	ĐTTX	Nguyễn Thanh Hùng	50	45	4.62	4.64	4.47	4.53	4.56	4.62	4.56	4.56	4.53	4.53	4.56	4.58	4.60	4.58	4.56	4.58	4.53	4.53	4.58	4.51	4.56	Rất tốt
216	Tư pháp quốc tế	Trường Công Đoàn Du Lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Thanh Hùng	31	17	4.59	4.65	4.47	4.53	4.65	4.65	4.53	4.47	4.53	4.71	4.53	4.59	4.59	4.53	4.71	4.65	4.53	4.59	4.76	4.53	4.59	Rất tốt
217	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trường CĐ Nghệ Long An-CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Trần Duy Mỹ	54	41	4.59	4.61	4.59	4.56	4.59	4.59	4.59	4.63	4.63	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.29	4.46	4.49	4.63	4.56	Rất tốt
218	Tư tưởng Hồ Chí Minh	IT GDIX Tây Ninh	ĐTTX	Ngô Thị Kim Liên	45	35	4.63	4.63	4.69	4.71	4.77	4.80	4.77	4.77	4.74	4.74	4.71	4.66	4.63	4.69	4.66	4.66	4.66	4.66	4.69	4.60	4.69	Rất tốt
219	Tư tưởng Hồ Chí Minh	IT GDIX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	40	29	4.34	4.34	4.31	4.31	4.38	4.38	4.41	4.38	4.41	4.48	4.38	4.45	4.38	4.38	4.38	4.41	4.31	4.34	4.38	4.34	4.38	Rất tốt
220	Tư tưởng Hồ Chí Minh	IT GDIX Khánh Hòa	ĐTTX	Trần Hoàng Hà	31	24	4.58	4.67	4.42	4.50	4.46	4.50	4.58	4.46	4.58	4.50	4.38	4.46	4.42	4.50	4.58	4.46	4.38	4.50	4.42	4.42	4.49	Rất tốt
221	Văn hóa Anh - Mỹ	Học viện Chính trị KV2	ĐTTX	Doãn Thị Ngọc	68	69	4.61	4.61	4.54	4.22	4.67	4.62	4.64	4.64	4.64	4.64	4.64	4.65	4.57	4.58	4.62	4.65	4.58	4.67	4.70	4.67	4.61	Rất tốt
222	Văn hóa Doanh nghiệp	Trường CĐCD Bình Thuận	ĐTTX	Nguyễn Quang Vinh	20	22	4.41	4.45	4.32	4.36	4.27	4.45	4.55	4.50	4.45	4.45	4.45	4.36	4.50	4.45	4.50	4.50	4.45	4.55	4.41	4.50	4.45	Rất tốt
223	Văn học Anh	IT GDIX Tây Ninh	VLVH	Dương Đoàn Hoàng Trúc	44	21	4.76	4.76	4.57	4.71	4.71	4.62	4.57	4.67	4.57	4.57	4.62	4.81	4.81	4.86	4.81	4.86	4.81	4.86	4.86	4.71	4.73	Rất tốt
224	Vật liệu xây dựng	IT GDIX Khánh Hòa	ĐTTX	Trần Trung Dũng	36	32	4.22	4.41	4.22	4.34	4.31	4.31	4.31	4.34	4.31	4.34	4.22	4.34	4.34	4.31	4.31	4.34	4.25	4.31	4.28	4.38	4.31	Rất tốt
225	Vẽ kỹ thuật xây dựng	Trường TC KTKT Công Đoàn Bà Rịa-Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Bảo Thanh	25	21	4.38	4.48	4.48	4.48	4.48	4.48	4.57	4.57	4.48	4.48	4.57	4.52	4.48	4.48	4.48	4.52	4.57	4.43	4.52	4.57	4.50	Rất tốt
226	Viết 2	IT GDIX Tây Ninh	VLVH	Doãn Thị Ngọc	44	21	4.81	4.81	4.81	4.81	4.90	4.86	4.86	4.81	4.81	4.86	4.86	4.81	4.86	4.86	4.95	4.95	4.52	4.71	4.62	4.71	4.81	Rất tốt
227	Viết 3	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Doãn Thị Ngọc	25	18	4.44	4.22	4.17	4.06	4.22	4.39	4.11	4.06	4.28	4.17	4.44	4.28	4.28	4.00	4.44	4.17	4.39	4.39	4.28	4.44	4.26	Rất tốt
228	Xác suất và thống kê ứng dụng trong KT	IT GDIX Bến Tre	VLVH	Võ Đăng Khoa	24	15	4.80	4.87	4.87	4.80	4.80	4.80	4.87	4.87	4.80	4.80	4.87	4.80	4.80	4.80	4.87	4.87	4.87	4.87	4.87	4.87	4.84	Rất tốt

Bảng 2: Các môn học được sinh viên đánh giá “Tốt”

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
1	Anh ngữ kinh doanh	Trường CĐCD Đồng Tháp	ĐTTX	Nguyễn Thị Hương Nhài	23	8	4.00	4.00	4.00	3.88	3.88	4.00	4.13	4.13	4.00	4.13	4.25	4.38	4.38	4.25	4.50	4.38	4.38	4.38	4.50	4.38	4.19	Tốt
2	CTXH nhập môn	TT GDCTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Kim Thanh	44	48	3.40	3.35	3.33	3.27	3.27	3.31	3.44	3.63	3.48	3.48	3.54	3.54	3.56	3.50	3.48	3.29	3.29	3.46	3.52	3.48	3.43	Tốt
3	CTXH nhóm	TT GDCTX Phú Yên	VLVH	Nguyễn Thị Nhàn	30	25	4.08	4.04	4.08	4.12	4.08	3.96	4.04	3.96	3.88	4.04	4.12	4.08	4.20	4.00	4.08	3.96	4.28	4.16	4.12	4.24	4.08	Tốt
4	Củ Pháp - Hình Thái Học	Trường CĐCD Đồng Tháp	VLVH	Lý Thị Mỹ Hạnh	23	11	4.27	4.27	4.09	3.91	4.18	4.18	4.27	4.27	4.18	4.27	4.18	4.09	4.09	4.18	4.18	4.09	4.09	4.18	4.18	4.27	4.17	Tốt
5	Đọc hiểu 4	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Nguyễn Thị Hạnh	25	19	4.32	4.26	4.21	4.00	3.95	4.16	4.21	4.16	4.21	4.21	4.16	4.16	4.11	3.89	4.32	4.21	4.26	4.32	4.32	4.42	4.19	Tốt
6	Dự báo trong kinh doanh	TT GDCTX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Chính Thắng	38	8	4.13	4.25	3.88	3.88	3.88	4.00	3.88	3.75	3.88	4.00	3.88	3.88	4.00	3.88	3.75	3.88	3.88	3.88	4.00	3.88	3.92	Tốt
7	Đường lối CM của Đảng CSVN	Trường CĐCD Bình Thuận	ĐTTX	La Minh Trọng	45	43	3.98	4.05	3.98	4.09	4.02	4.05	4.02	4.09	4.07	4.14	4.14	4.12	4.09	4.07	4.07	4.12	4.07	4.12	4.16	4.14	4.08	Tốt
8	Hành vi con người và môi trường xã hội	TT GDCTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Thụy Diễm Hương	93	77	3.49	3.42	3.45	3.34	3.43	3.45	3.49	3.58	3.58	3.66	3.64	3.52	3.58	3.68	3.64	3.39	3.30	3.36	3.70	3.66	3.52	Tốt
9	Hành vi khách hàng	Trường CĐ Việt - Mỹ	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuấn Anh	18	28	4.00	3.86	4.07	4.07	4.04	3.93	4.00	4.18	4.00	4.00	4.07	4.11	4.21	4.00	4.25	4.14	4.04	4.21	4.39	4.32	4.09	Tốt
10	Kế toán tài chính 3	Trường CĐCD Bình Thuận	ĐTTX	Đỗ Phương Thảo	20	20	4.20	4.30	4.05	4.20	4.25	4.05	4.20	4.20	4.15	4.25	4.15	4.25	4.25	4.25	4.20	4.00	4.05	4.25	4.30	4.30	4.19	Tốt
11	Kinh tế học đại cương	Cơ Sở 5-Ninh Hòa	ĐTTX	Lê Công Tâm	47	48	4.08	4.02	4.02	4.04	4.08	4.02	3.96	4.02	3.98	4.13	4.06	4.10	4.10	4.13	4.17	4.17	4.17	4.15	4.15	4.17	4.09	Tốt
12	Kinh Tế Vi Mô 1	Trường TC DL và KS SÀI GÒN	ĐTTX	Nguyễn Thị Phúc Đoan	90	67	3.96	3.88	3.76	3.42	3.60	3.49	3.73	4.07	3.87	4.00	4.00	4.04	3.94	3.93	4.01	4.06	4.03	4.09	4.07	3.94	3.89	Tốt
13	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	TT GDCTX Gia Lai	VLVH	Đặng Thanh Hoa	71	79	4.08	4.10	4.09	4.09	4.10	4.06	4.08	4.09	4.11	4.15	4.03	4.05	4.11	4.04	4.13	4.14	4.11	4.10	4.11	4.14	4.10	Tốt
14	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	TT GDCTX Khánh Hòa	ĐTTX	Đặng Thanh Hoa	23	23	4.04	4.00	4.04	3.87	4.04	4.00	4.09	4.00	4.13	4.00	4.00	4.00	4.04	4.00	4.00	3.96	4.04	3.96	4.00	4.00	4.02	Tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
15	Kỹ thuật xây dựng văn bản	Cơ Sở 3-Ninh Hòa	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	16	16	3.75	3.75	3.81	3.94	3.75	3.63	3.69	3.88	3.94	4.00	4.00	3.88	4.00	3.88	3.88	3.94	3.94	3.94	3.94	4.00	3.88	Tốt
16	Kỹ thuật xây dựng văn bản	TT GD TX Thanh Niên Xung Phong	ĐTTX	Hoàng Thị Biên	31	29	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.03	4.03	4.07	4.10	4.03	4.10	4.00	4.07	4.10	4.00	4.10	4.10	4.03	4.07	4.07	4.05	Tốt
17	Lịch sử nhà nước và pháp luật	TT GDNN-GD TX Châu Thành-Hậu Giang	VL VH	Nguyễn Hoàng Thịnh	29	35	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	Tốt
18	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Cơ Sở 3-Ninh Hòa	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	47	39	4.18	4.18	4.18	4.21	4.18	4.15	4.21	4.21	4.21	4.18	4.21	4.21	4.23	4.23	4.21	4.23	4.23	4.21	4.21	4.21	4.20	Tốt
19	Luật cạnh tranh	Trường Chính trị Lâm Đồng	VL VH	Nguyễn Tú	34	26	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.23	4.19	4.08	4.27	4.04	Tốt
20	Luật cạnh tranh	Trường Chính trị Lâm Đồng	VL VH	Nguyễn Tú	34	6	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	Tốt
21	Luật cạnh tranh	TT GD TX Gia Lai	VL VH	Nguyễn Thị Thủy Nga	71	80	4.18	4.18	4.21	4.20	4.20	4.25	4.19	4.23	4.16	4.16	4.15	4.15	4.15	4.23	4.21	4.20	4.23	4.24	4.20	4.21	4.20	Tốt
22	Luật dân sự 1	TT GD TX Bến Tre	VL VH	Lâm Tô Trang	34	14	3.64	3.64	3.79	3.79	3.71	3.86	3.86	3.86	3.79	3.64	3.79	3.86	3.71	3.86	3.79	3.79	4.43	4.64	4.71	4.57	3.94	Tốt
23	Luật dân sự 2	TT GD TX Bến Tre	VL VH	Phạm Thị Kim Phương	34	13	4.08	4.00	4.15	3.85	4.15	4.08	3.92	4.08	4.15	3.92	4.08	4.15	4.15	4.00	4.15	4.08	4.08	3.85	3.92	3.92	4.04	Tốt
24	Luật dân sự 2	TT GD TX Gia Lai	VL VH	Vũ Thế Hoàn	67	86	3.92	3.90	3.90	3.90	3.90	3.92	3.89	3.92	3.92	3.90	3.90	3.90	3.92	3.90	3.93	3.92	3.89	3.89	3.89	3.90	3.91	Tốt
25	Luật đất đai	Cơ Sở 3-Ninh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Huyền Anh Như	27	10	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	Tốt
26	Luật đất đai	TT GD TX Gia Lai	VL VH	Vũ Công Nhị	67	86	3.98	3.99	3.96	3.98	3.96	3.96	3.96	3.95	3.95	3.98	3.94	3.95	3.94	3.98	3.98	3.98	3.96	3.95	3.98	3.96	3.96	Tốt
27	Luật tiến pháp	TT GDNN-GD TX H.Thống Nhất	ĐTTX	Lê Thị Hồng Nhung	65	67	3.76	3.81	3.79	3.79	3.82	3.84	3.84	3.85	3.82	3.82	3.82	3.85	3.81	3.85	3.84	3.82	3.82	3.84	3.82	3.81	3.82	Tốt
28	Luật tiến pháp nước ngoài	Trường CEXED Bình Thuận	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	45	44	3.93	4.00	4.00	4.05	4.05	4.07	4.02	4.02	4.05	3.98	4.00	4.11	4.02	3.93	4.07	3.91	4.05	3.95	4.07	3.98	4.01	Tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
29	Luật hôn nhân gia đình	TT GD TX Gia Lai	VLVH	Phạm Thị Kim Phượng	67	87	3.95	3.95	3.95	3.93	3.94	3.94	3.94	3.94	3.95	3.94	3.93	3.94	3.94	3.94	3.95	3.93	3.94	3.94	3.94	3.95	3.94	Tốt
30	Luật kinh doanh	Trường TC DL và KS SÀI GÒN	ĐTTX	Lê Thị Tuyết Hà	90	65	3.92	4.03	3.91	3.60	3.80	3.77	3.91	4.05	3.92	3.97	3.97	4.00	3.89	3.89	4.12	4.08	4.05	4.02	3.95	4.02	3.94	Tốt
31	Luật lao động	TT GD TX Gia Lai	VLVH	Trần Anh Thục Đoàn	71	80	3.98	4.06	4.03	4.01	4.01	4.01	3.99	4.06	4.14	4.05	4.04	4.08	3.99	4.03	4.06	4.01	4.03	4.08	4.08	4.06	4.04	Tốt
32	Luật môi trường	TT GD TX Thanh Niên Xung Phong	ĐTTX	Võ Trung Tín	31	29	4.14	4.14	4.10	4.14	4.17	4.10	4.07	4.10	4.10	4.17	4.10	4.21	4.17	4.17	4.14	4.17	4.10	4.21	4.17	4.21	4.14	Tốt
33	Luật tài chính	TT GD TX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Kim Phước	34	16	4.00	4.06	4.00	4.13	4.06	4.06	4.00	4.00	4.00	4.00	4.19	4.13	4.19	4.25	4.19	4.13	4.13	4.13	4.25	4.13	4.10	Tốt
34	Luật tài chính	Trường TCN Cù Chi	ĐTTX	Nguyễn Kim Phước	51	41	3.95	3.73	3.93	4.02	3.98	3.98	4.02	3.95	3.98	4.02	4.02	3.98	3.93	4.00	4.00	4.05	4.05	4.07	4.02	3.99	Tốt	
35	Luật thương mại quốc tế	TT GDNN-GD TX H.Thống Nhất	ĐTTX	Trần Văn Long	76	56	3.91	3.93	3.96	3.89	3.89	3.88	3.93	3.93	3.93	3.98	3.95	3.95	3.95	3.96	3.95	3.96	3.95	3.98	3.98	3.98	3.94	Tốt
36	Luật thương mại quốc tế	Trường CECĐ Bình Thuận	VLVH	Nguyễn Ngọc Lâm	28	22	4.05	4.09	4.09	4.18	4.24	4.14	4.23	4.23	4.23	4.23	4.14	4.18	4.23	4.18	4.18	4.14	4.09	4.14	4.09	4.09	4.16	Tốt
37	Luật thương mại quốc tế	TT GD TX - Hương Nghiệp Ninh Thuận	VLVH	Phan Đăng Hiếu Thuận	38	30	4.13	4.10	4.17	4.13	4.13	4.10	4.10	4.13	4.10	4.13	4.13	4.10	4.10	4.13	4.13	4.07	4.07	4.10	4.10	4.10	4.11	Tốt
38	Luật thương mại quốc tế	TT GD TX Bình Phước	ĐTTX	Nguyễn Ngọc Lâm	19	18	4.17	4.17	4.22	4.17	4.11	4.17	4.17	4.17	4.17	4.06	4.06	4.17	4.11	4.17	4.11	4.17	4.11	4.17	4.11	4.17	4.14	Tốt
39	Luật tố tụng hình sự	TT GD TX Gia Lai	VLVH	Phạm Thanh Tú	67	83	4.06	4.06	4.06	4.04	4.05	4.05	4.07	4.07	4.06	4.06	4.05	4.04	4.05	4.07	4.05	4.04	4.06	4.07	4.08	4.08	4.06	Tốt
40	Luyện dịch 1	Trường CB Việt - Mỹ	ĐTTX	Nguyễn Ngọc Tuyền	25	19	4.11	4.11	4.11	4.05	3.79	3.68	3.68	3.89	3.58	3.74	3.95	4.00	3.74	3.63	4.00	4.11	4.16	4.00	4.11	4.21	3.93	Tốt
41	Lý luận nhà nước và pháp luật	TT GDNN - GD TX Măng Giang-Gia Lai	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuyền	60	55	3.73	3.75	3.67	3.85	3.80	3.80	3.76	3.76	3.82	3.75	3.80	3.78	3.75	3.78	3.78	3.75	3.76	3.73	3.78	3.75	3.77	Tốt
42	Lý thuyết CTXH	TT GD TX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Huỳnh Minh Hiền	40	30	4.07	4.13	4.07	4.13	4.13	4.13	4.17	4.13	4.03	4.10	4.10	4.07	4.13	4.13	4.17	4.20	4.10	4.17	4.20	4.20	4.13	Tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
43	Marketing căn bản	Trường TC DL và KS SÀI GÒN	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuấn Anh	90	66	4.08	4.08	4.03	3.94	4.05	4.03	4.08	4.12	4.00	4.14	3.98	4.09	4.14	4.09	4.09	4.09	4.06	4.06	4.08	4.09	4.06	Tốt
44	Nghiệp vụ ngoại thương	IT GD TX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Thị Bích Phương	38	8	3.88	4.00	3.75	3.13	3.38	2.88	3.13	3.88	3.38	4.00	4.00	3.75	4.00	4.00	4.13	4.13	4.00	4.25	3.88	4.13	3.78	Tốt
45	Ngữ nghĩa học	Trường CĐCB Bình Thuận	VLVH	Lý Thị Mỹ Hạnh	25	22	4.05	3.95	3.91	3.95	3.86	3.82	3.95	3.86	3.95	3.95	3.91	3.91	3.91	3.91	3.91	4.00	3.91	3.95	3.95	3.86	3.93	Tốt
46	Nhập môn khoa học giao tiếp	IT GD TX Khánh Hòa	ĐTTX	Phan Thị Mai Quỳn	44	30	3.53	3.53	3.53	3.67	3.70	3.63	3.63	3.77	3.63	3.57	3.67	3.67	3.67	3.53	3.63	3.63	3.50	3.43	3.63	3.77	3.62	Tốt

Bảng 3: Các môn học được sinh viên đánh giá “Trung Bình”

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
1	Luật hành chính	IT GD TX Bến Tre	ĐTTX	Diệp Thanh Sơn	34	15	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	4.47	4.53	4.67	3.30	TB	
2	Những NLCB của CN Mác-Lênin P2	Cơ Sở 5. Ninh Hòa	ĐTTX	Trần Hoàng Hà	27	4	3.25	3.25	3.25	3.25	3.00	3.00	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.25	3.23	TB	

